

**BỘ CÔNG AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1183** /BCA-V03

Hà Nội, ngày **04** tháng **4** năm **2024**.

V/v đề nghị thẩm định Hồ sơ đề  
nghị xây dựng Luật Dữ liệu

Kính gửi: Bộ Tư pháp

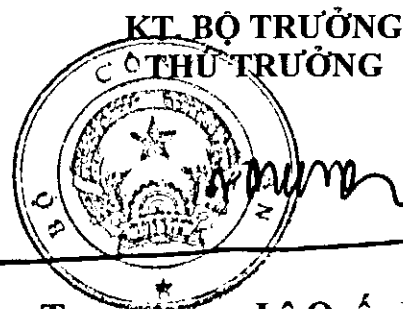
Ngày 08/01/2024, Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 04/TB-VPCP thông báo Kết luận Phiên họp tổng kết hoạt động năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2024 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số. Theo đó, Bộ Công an được giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan nghiên cứu, tham mưu, đề xuất xây dựng Luật Dữ liệu.

Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Dữ liệu đã được chỉnh lý, hoàn thiện trên cơ sở tiếp thu ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Công an các đơn vị, địa phương. Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Công an trân trọng gửi đến các đồng chí Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Dữ liệu và đề nghị thẩm định.

Rất mong nhận được sự quan tâm, phối hợp của các đồng chí ~~ch~~

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, V03 (P3).



**Trung tướng Lê Quốc Hùng**



Số: *155*/TTr-BCA

Hà Nội, ngày *04* tháng *4* năm 2024

**TỜ TRÌNH**  
**Đề nghị xây dựng Luật Dữ liệu**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Công an kính trình Chính phủ đề nghị xây dựng Luật Dữ liệu như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT**

**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

Chuyển đổi số được Đại hội XIII của Đảng xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Trong những năm qua, Đảng, Nhà nước đã có nhiều chủ trương, giải pháp đầy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ công cuộc chuyển đổi số quốc gia, xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số như:

- Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định chính sách khoa học và công nghệ cho phát triển công nghiệp: “Khuyến khích đầu tư, phát triển xây dựng các trung tâm dữ liệu lớn; đẩy mạnh phát triển khoa học phân tích, quản lý và xử lý dữ liệu lớn nhằm tạo ra các sản phẩm, tri thức mới”.

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư xác định “Xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia. Hình thành hệ thống trung tâm dữ liệu quốc gia, các trung tâm dữ liệu vùng và địa phương kết nối đồng bộ và thống nhất”.

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định ưu tiên nguồn lực và có cơ chế, chính sách khuyến khích đủ mạnh để phát triển những lĩnh vực ưu tiên; trong đó có phát triển công nghệ số (ưu tiên phát triển trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối, điện toán đám mây, internet kết nối vạn vật, thiết bị điện tử - viễn thông, thiết kế và sản xuất chíp bán dẫn).

- Điều 62 Hiến pháp năm 2013 cũng quy định: (1) Phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; (2) Nhà nước ưu tiên đầu tư và khuyến khích tổ

chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, ứng dụng có hiệu quả thành tựu khoa học và công nghệ; bảo đảm quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; (3) Nhà nước tạo điều kiện để mọi người tham gia và được thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động khoa học và công nghệ.

- Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã xác định “đưa Việt Nam trở thành một trong những trung tâm dữ liệu khu vực. Xây dựng các trung tâm dữ liệu gắn với các vùng động lực, cực tăng trưởng, hành lang kinh tế; phát triển các cụm trung tâm dữ liệu quốc gia tại khu vực phía Bắc và khu vực phía Nam.”

- Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 đã xác định xây dựng, phát triển hệ thống dữ liệu phục vụ triển khai Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số tại bộ, ngành, địa phương.

- Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030 đã giao Bộ Công an thực hiện nhiệm vụ “Xây dựng, vận hành Trung tâm dữ liệu quốc gia. Nâng cao nhận thức của các tổ chức, doanh nghiệp và người dân về bảo vệ dữ liệu cá nhân, quản trị dữ liệu”.

Bên cạnh đó, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành nhiều quyết định có tính định hướng quan trọng về phát triển dữ liệu, hoàn thiện cơ sở hạ tầng thông tin trong chuyển đổi số ở nước ta như: Chiến lược dữ liệu quốc gia quy định tại Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ, Đề án xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia quy định tại Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ, Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 quy định tại Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

Do vậy, việc hoàn thiện pháp luật, quy định những chính sách trong phát triển, ứng dụng dữ liệu vào công tác quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội là yêu cầu rất cấp thiết; tạo điều kiện cho mọi người dân được thụ hưởng lợi ích từ hoạt động chuyển đổi số.

## **2. Cơ sở thực tiễn**

Quán triệt, triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, nhất là những vấn đề liên quan đến xây dựng, tạo lập, kết nối, chia sẻ dữ liệu đã đạt được một số kết quả tích cực như: Bước đầu khởi tạo và hình thành được 07 Cơ sở dữ liệu quốc gia; một số Cơ sở dữ liệu quốc gia đã có sự kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu góp phần cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính cho người dân; hạ tầng công nghệ xây dựng các Trung tâm dữ liệu bước đầu được quan tâm đầu tư hơn...

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế như: (1) Một số bộ, ngành không có hoặc có nhưng chưa đầy đủ hạ tầng để triển khai các hệ thống công nghệ thông tin cốt lõi phục vụ cho các công tác nghiệp vụ; (2) Nhiều cơ sở dữ liệu được thu thập, lưu trữ trùng lặp, chồng chéo, chưa được chuẩn hóa, thống

nhất về tiêu chuẩn, danh mục nên không có khả năng kế thừa, khó khăn khi kết nối, chia sẻ, khai thác dùng chung; (3) Các trung tâm dữ liệu đầu tư thiếu đồng bộ, không đạt các tiêu chuẩn quy định, không bảo đảm mức độ an ninh, an toàn hệ thống, không thường xuyên được kiểm tra, bảo trì, nâng cấp; (4) Một số bộ, ngành, địa phương thuê dịch vụ hạ tầng công nghệ thông tin tiềm ẩn nhiều rủi ro về an ninh an toàn thông tin do chưa thực sự quản lý, kiểm soát được dữ liệu nhà nước trên hạ tầng của doanh nghiệp; (5) Nhân lực vận hành, quản trị các hệ thống thông tin vừa thiếu, vừa yếu; (6) Các cơ sở dữ liệu quốc gia theo Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ chưa được xây dựng đầy đủ; (7) Nhiều hệ thống thông tin còn lỗ hổng bảo mật, không đủ điều kiện kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư...

Hiện nay việc kết nối, chia sẻ thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các bộ, ngành, địa phương đang được triển khai thực hiện quyết liệt đem lại những kết quả thiết thực, phục vụ có hiệu quả cho công tác quản lý nhà nước, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ hành chính công. Nhiều bộ, ngành, địa phương đã tiết kiệm được chi phí trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu riêng hoặc không cần thiết phải xây dựng cơ sở dữ liệu riêng khi đã được kết nối, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Việc xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung là xu thế chung của các nước trên thế giới hiện nay. Do vậy, việc xây dựng, phát triển Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia với dữ liệu gắn với con người và các dữ liệu tổng hợp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia sẽ là trụ cột dữ liệu chính để tạo nền tảng cho phát triển Chính phủ số, thúc đẩy kinh tế số và hình thành xã hội số. Hình thành các hệ thống dữ liệu tin cậy, ổn định của Nhà nước và doanh nghiệp từ đó triển khai các giải pháp kết nối để chia sẻ, sử dụng lại và phát triển các mô hình/ứng dụng phân tích dữ liệu chuyên sâu để tạo ra nhiều giá trị mới, sản phẩm dịch vụ mới và động lực mới cho phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn chuyển đổi số của Việt Nam. Việc đầu tư, nâng cấp, mở rộng, lưu trữ thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia sẽ tiết kiệm rất nhiều so với việc đầu tư các hệ thống riêng biệt để lưu trữ các thông tin này. Các thông tin được lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia cũng sẽ được chia sẻ phục vụ để việc khai thác chung cho các bộ, ngành, địa phương; cơ quan quản lý dữ liệu không phải thiết lập thêm các kênh kết nối, chia sẻ riêng đối với các thông tin đã được bổ sung, lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.

Qua rà soát, hiện có 69 Luật đang quy định về cơ sở dữ liệu (Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành). Qua phân tích thống kê tại các văn bản luật đã quy định về 33 cơ sở dữ liệu quốc gia, 39 cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cụ thể: *(chi tiết tại Phụ lục kèm theo Báo cáo đánh giá tác động trong hồ sơ dự án luật)*

(1) Về các trường thông tin có trong cơ sở dữ liệu: 16 cơ sở dữ liệu đã quy định rõ các trường thông tin, 30 cơ sở dữ liệu có quy định nhưng chưa cụ thể các trường thông tin, 26 cơ sở dữ liệu không quy định các trường thông tin;

(2) Về mô tả, định nghĩa về cơ sở dữ liệu: 34 cơ sở dữ liệu đã được nêu rõ mô tả, định nghĩa cụ thể; 07 cơ sở dữ liệu có quy định nhưng chưa cụ thể; 31 cơ sở dữ liệu không được định nghĩa;

(3) Về hình thức khai thác, chia sẻ: 18 cơ sở dữ liệu đã được quy định cụ thể về hình thức khai thác, chia sẻ dữ liệu; 14 cơ sở dữ liệu có quy định nhưng chưa cụ thể về hình thức khai thác, chia sẻ; 40 cơ sở dữ liệu không quy định.

Hiện nay trên cơ sở các quy định pháp luật và khảo sát thực tiễn của Bộ Công an các bộ ngành, địa phương đã triển khai xây dựng các cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước, trong đó có 09 cơ sở dữ liệu quốc gia và 105 cơ sở dữ liệu chuyên ngành (*chi tiết tại phụ lục kèm theo báo cáo đánh giá tác động chính sách trong hồ sơ đề nghị xây dựng luật*).

Trong các luật đã rà soát, chỉ có một số luật có quy định về trách nhiệm của cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu trong việc xây dựng, thu thập, quản lý, vận hành, kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu. Tuy nhiên, tất cả các luật đều không quy định cụ thể hoặc thống nhất về việc xây dựng, thu thập, quản lý, vận hành, kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng thông tin trong các cơ sở dữ liệu; điều chỉnh các nền tảng phát triển, ứng dụng dữ liệu đang có xu hướng phát triển phổ biến trên thế giới như công nghệ trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, công nghệ chuỗi khối, công nghệ truyền thông dữ liệu, công nghệ internet vạn vật và công nghệ dữ liệu lớn; chưa có quy định cụ thể về cơ sở dữ liệu được tổng hợp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ công tác chỉ đạo điều hành, hoạch định đường lối, chính sách, phát triển kinh tế - xã hội, cải cách thủ tục hành chính, dịch vụ công, bảo đảm lợi ích của tổ chức, cá nhân.

Bên cạnh đó, Nghị quyết số 175/NQ-CP phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia đã xác định đến Quý IV năm 2025 Trung tâm dữ liệu quốc gia sẽ đi vào hoạt động, là nơi lưu trữ, tổng hợp, phân tích, điều phối dữ liệu, cung cấp hạ tầng cho các bộ, ngành, địa phương. Tuy nhiên, hiện nay chưa có đầy đủ cơ sở pháp lý phục vụ triển khai các nhiệm vụ nêu trên; do vậy, việc xây dựng luật với tên gọi là Luật Dữ liệu là hết sức quan trọng, cần thiết, cấp thiết để bảo đảm bao quát đầy đủ các nội dung quy định được điều chỉnh liên quan đến các vấn đề nêu trên nhằm thực hiện thống nhất, đồng bộ, sử dụng hiệu quả thông tin trong các cơ sở dữ liệu, phục vụ công tác quản lý nhà nước, vừa bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội, vừa thắt chặt quản lý dữ liệu cá nhân và dữ liệu phi cá nhân, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT**

### **1. Mục đích**

Việc xây dựng dự án Luật Dữ liệu nhằm mục đích sau:

*Một là, tạo sự thống nhất, đồng bộ, sử dụng hiệu quả dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội.*

Điều chỉnh toàn diện về hoạt động xử lý, quản trị, điều phối dữ liệu; xác định rõ công tác quản lý nhà nước về dữ liệu.

Quy định về xây dựng, phát triển Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia với dữ liệu gắn với con người và các dữ liệu tổng hợp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia sẽ là trụ cột dữ liệu chính để tạo nền tảng cho phát triển Chính phủ số, thúc đẩy kinh tế số và hình thành xã hội số. Hình thành các hệ thống dữ liệu tin cậy, ổn định của Nhà nước và doanh nghiệp từ đó triển khai các giải pháp kết nối để chia sẻ, sử dụng lại và phát triển các mô hình/ứng dụng phân tích dữ liệu chuyên sâu để tạo ra nhiều giá trị mới, sản phẩm dịch vụ mới và động lực mới cho phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn chuyển đổi số của Việt Nam.

*Hai là, phục vụ phát triển Chính phủ số và cải cách, cắt giảm thủ tục hành chính*

Cung cấp hạ tầng phục vụ xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia và hình thành kho thông tin định danh số cho công dân, tổ chức trong thực hiện các thủ tục hành chính, kết hợp cùng với việc tích hợp đồng bộ, liên thông giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia khác sẽ giúp phát triển Chính phủ số và cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính không còn phù hợp, gia tăng sự hài lòng của người dân với hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước. Hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành, hoạch định chính sách của Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương trên nền tảng dữ liệu số.

Quy định rõ trách nhiệm và phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các bộ, ngành, địa phương trong xây dựng, phát triển, ứng dụng dữ liệu, bảo đảm kịp thời, thống nhất, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

*Ba là, phát triển kinh tế - xã hội*

Thúc đẩy các giao dịch thương mại trên môi trường số được thường xuyên, liên tục, an toàn và minh bạch hơn. Đồng thời hình thành và từng bước mở rộng kho dữ liệu về con người để người dân, doanh nghiệp khai thác, sử dụng phục vụ sáng tạo, triển khai các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh mới góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế số và xây dựng xã hội số.

*Bốn là, phát triển Trung tâm dữ liệu quốc gia*

Trung tâm dữ liệu quốc gia khi đưa vào triển khai hoạt động sẽ là tiền đề để thúc đẩy quá trình phát triển và đẩy mạnh khai thác các cơ sở dữ liệu quốc gia phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; góp phần thực hiện mục tiêu nâng tầm chiến lược phát triển kinh tế số của Việt Nam theo kịp các quốc gia trên thế giới, bảo đảm điều kiện cho Việt Nam phát triển và hòa nhập với nền kinh tế số của thế giới.

## **2. Quan điểm xây dựng Luật**

Quan điểm xây dựng dự án Luật Dữ liệu:

*Một là, quán triệt và cụ thể hóa quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng về xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về dữ liệu; phù hợp với tiến trình hội nhập, mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế; phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.*

*Hai là, bảo đảm phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số quốc gia, góp phần xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số, xã hội số.*

*Ba là*, việc xây dựng dự án Luật được tiến hành trên cơ sở tổng kết thực tiễn trong những năm qua; khắc phục những tồn tại, bất cập, hạn chế; thực hiện thống nhất, đồng bộ, sử dụng hiệu quả thông tin trong các cơ sở dữ liệu, phục vụ công tác quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội, góp phần phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và các vi phạm pháp luật.

*Bốn là*, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc khai thác, vận hành Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và phát triển Trung tâm dữ liệu quốc gia; bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật.

*Năm là*, tham khảo có chọn lọc pháp luật về quản lý dữ liệu của một số nước, phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam.

### **III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA LUẬT**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định về xây dựng, phát triển; xử lý, quản trị dữ liệu; ứng dụng khoa học công nghệ trong xử lý dữ liệu; Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; Trung tâm dữ liệu quốc gia; sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu; quản lý nhà nước về dữ liệu; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động về dữ liệu.

#### **2. Đối tượng áp dụng**

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến các hoạt động về dữ liệu tại Việt Nam.

### **IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT DỮ LIỆU**

Bộ Công an đề xuất 04 chính sách trong đề nghị xây dựng Luật Dữ liệu gồm:

**1. Chính sách 1:** Quy định về xây dựng, phát triển, quản trị, xử lý dữ liệu, ứng dụng khoa học công nghệ trong xử lý dữ liệu, quản lý nhà nước về dữ liệu.

#### *a) Mục tiêu của chính sách*

Xử lý dữ liệu là một hoặc nhiều hoạt động tác động tới dữ liệu, như: thu thập, ghi, phân tích, tổng hợp, xác nhận, xác thực, lưu trữ, chỉnh sửa, cập nhật, điều chỉnh, công khai, kết hợp, truy cập, truy xuất, thu hồi, mã hóa, giải mã, sao chép, chia sẻ, truyền đưa, chuyển giao, xóa, hủy dữ liệu hoặc các hoạt động khác có liên quan. Quản trị dữ liệu là hoạt động tổ chức thực hiện chính sách, chiến lược dữ liệu; biện pháp quản lý, xử lý dữ liệu, bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, kịp thời, bảo mật của dữ liệu.

Xây dựng quy định điều chỉnh các hoạt động liên quan đến dữ liệu, nhất là các chính sách về xây dựng, phát triển, xử lý, quản trị, bảo vệ dữ liệu, ứng dụng khoa học công nghệ trong xử lý dữ liệu, xác định và quản lý rủi ro có thể phát sinh trong chuỗi cung ứng dữ liệu; hợp tác quốc tế dữ liệu để góp phần nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về dữ liệu và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, xây dựng tiêu chuẩn chung về dữ liệu để áp dụng thống nhất, đồng bộ.

#### *b) Nội dung của chính sách*



Quy định về chiến lược dữ liệu; xử lý dữ liệu (gồm các hoạt động thu thập, ghi, phân tích, tổng hợp, xác nhận, xác thực, lưu trữ, chỉnh sửa, cập nhật, điều chỉnh, công khai, kết hợp, truy cập, truy xuất, thu hồi, mã hóa, giải mã, sao chép, chia sẻ, truyền đưa, chuyển giao, xóa, hủy dữ liệu hoặc các hoạt động khác có liên quan); quản trị dữ liệu, bảo vệ dữ liệu, chất lượng dữ liệu, cung cấp dữ liệu; xác định và quản lý rủi ro có thể phát sinh trong chuỗi cung ứng dữ liệu; hợp tác quốc tế về dữ liệu; ứng dụng khoa học công nghệ trong xử lý dữ liệu đang có xu hướng phát triển phổ biến trên thế giới như công nghệ trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, công nghệ chuỗi khối, công nghệ truyền thông dữ liệu, công nghệ internet vạn vật và công nghệ dữ liệu lớn...

*c) Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn*

*Giải pháp thực hiện chính sách:*

- Quy định về thu thập, ghi, phân tích, tổng hợp, xác nhận, xác thực, lưu trữ, chỉnh sửa, cập nhật, điều chỉnh, công khai, kết hợp, truy cập, truy xuất, thu hồi, mã hóa, giải mã, sao chép, chia sẻ, truyền đưa, chuyển giao, xóa, hủy dữ liệu; chất lượng dữ liệu, cung cấp dữ liệu;

- Quy định về quản lý nhà nước về dữ liệu;

- Quy định về chiến lược dữ liệu;

- Quy định về quản trị dữ liệu;

- Quy định về bảo vệ dữ liệu;

- Quy định về xác định và quản lý rủi ro phát sinh trong xử lý dữ liệu;

- Quy định về hợp tác quốc tế về dữ liệu;

- Quy định về Quỹ phát triển dữ liệu quốc gia;

- Quy định về ứng dụng khoa học công nghệ trong xử lý dữ liệu, bao gồm các nội dung về:

(1) Nhà nước ưu tiên việc xử lý, quản trị dữ liệu thông qua ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, công nghệ chuỗi khối, công nghệ truyền thông dữ liệu, công nghệ internet vạn vật, công nghệ dữ liệu lớn và các công nghệ hiện đại khác để phục vụ công tác quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội; đáp ứng yêu cầu trong chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

(2) Nguyên tắc trong phát triển công nghệ trong xử lý dữ liệu.

(3) Nguyên tắc trong ứng dụng công nghệ (vào quản lý nhà nước, vào phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ hoạt động của xã hội).

(4) Định hướng phát triển, sử dụng các công nghệ tại Việt Nam.

*- Lý do lựa chọn:*

Đối với cơ quan nhà nước: Giảm tải các chi phí trong đầu tư xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định về việc xây dựng, thu thập, quản lý, vận hành, kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng thông tin trong các cơ sở dữ liệu; hoàn thiện, tạo cơ chế chính sách để xây dựng phát triển dữ liệu phục vụ phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số. Thu được các lợi ích

kinh tế khi quản lý các nền tảng công nghệ về trí tuệ nhân tạo; điện toán đám mây; công nghệ chuỗi khối; công nghệ truyền thông dữ liệu; công nghệ Internet vạn vật; công nghệ dữ liệu lớn và các công nghệ hiện đại khác.

Đối với tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân: Giảm chi phí trong việc khai thác, sử dụng dữ liệu; có nhiều lựa chọn dịch vụ liên quan ứng dụng dữ liệu trong các hoạt động kinh tế. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức doanh nghiệp trong hoạt động phát triển các nền tảng công nghệ về trí tuệ nhân tạo; điện toán đám mây; công nghệ chuỗi khối; công nghệ truyền thông dữ liệu; công nghệ internet vạn vật; công nghệ dữ liệu lớn và các công nghệ hiện đại khác.

## 2. Chính sách 2: Quy định về Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.

### a) Mục tiêu của chính sách

Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia là cơ sở dữ liệu được tổng hợp từ nhiều nguồn cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác nhau của các ban, bộ, ngành chia sẻ dùng chung và dữ liệu khác. Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia gồm các trường thông tin được đồng bộ từ dữ liệu mở, dữ liệu dùng chung theo quy định của Luật Dữ liệu. Dữ liệu được đồng bộ thông qua các nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu, bảo đảm dữ liệu đáp ứng tiêu chí: đúng, đủ, sạch, sống.

Quy định về Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia để tập hợp, tích hợp, đồng bộ, lưu trữ, chia sẻ, phân tích, khai thác, điều phối dữ liệu của các cơ quan nhà nước và dữ liệu của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật nhằm hình thành kho dữ liệu về con người và kho dữ liệu tổng hợp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; dữ liệu tại cơ sở dữ liệu tổng hợp là nền tảng cốt lõi cung cấp các dịch vụ liên quan đến dữ liệu, hỗ trợ hoạch định chính sách, kiến tạo phát triển, xây dựng Chính phủ số, xã hội số và kinh tế số, bảo đảm quốc phòng an ninh.

### b) Nội dung của chính sách

Quy định về Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, bao gồm:

(1) Đồng bộ toàn bộ dữ liệu mở, dữ liệu dùng chung từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành về Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và đồng bộ dữ liệu của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tự nguyện cung cấp hoặc bắt buộc cung cấp về Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia trong trường hợp ứng phó với tình trạng khẩn cấp (như trường hợp khẩn cấp về quốc phòng, an ninh, sức khỏe cộng đồng hoặc các thảm họa lớn do thiên nhiên hoặc do con người gây ra).

(2) Hoạt động xử lý, quản trị, chia sẻ dữ liệu liên quan đến Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia;

(3) Trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, cá nhân, tổ chức khác;

(4) Mọi quan hệ giữa Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, công dịch vụ công quốc gia và cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin khác;

(5) Phí, giá khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia;

*c) Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn*

- Giải pháp thực hiện chính sách: Quy định về Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia trên cơ sở đồng bộ toàn bộ dữ liệu mở, dữ liệu dùng chung từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành về Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tự nguyện cung cấp hoặc bắt buộc cung cấp về Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia trong trường hợp ứng phó với tình trạng khẩn cấp (như trường hợp khẩn cấp về quốc phòng, an ninh, sức khỏe cộng đồng hoặc các thảm họa lớn do thiên nhiên hoặc do con người gây ra).

*- Lý do lựa chọn:*

Đối với cơ quan nhà nước: Giảm chi phí khi triển khai cung cấp các dịch vụ hành chính công trên môi trường điện tử và chi phí vận hành, quản lý cơ sở dữ liệu điện tử; tận dụng thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia để phân tích, đưa ra các giải pháp điều hành phục vụ phát triển kinh tế; tận dụng, phát huy được tối đa lợi ích của dữ liệu để phát triển kinh tế số; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số và phát triển kinh tế số của đất nước; tận dụng được tài nguyên dữ liệu được chia sẻ từ các doanh nghiệp, cá nhân cho nhà nước để phục vụ chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xử lý kịp thời các trường hợp khẩn cấp về quốc phòng, an ninh, sức khỏe cộng đồng hoặc các thảm họa lớn do thiên nhiên hoặc do con người gây ra.

Đối với tổ chức, cá nhân: Hạn chế phát sinh chi phí để bảo đảm an ninh, an toàn khi tham gia các hoạt động giao dịch điện tử; khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; cắt giảm chi phí thực hiện các thủ tục hành chính do các thủ tục hành chính, các dịch vụ công được thực hiện liên thông.

**3. Chính sách 3: Quy định về Trung tâm dữ liệu quốc gia.**

*a) Mục tiêu của chính sách*

Trung tâm dữ liệu quốc gia là trung tâm dữ liệu do Chính phủ xây dựng, quản lý, khai thác và vận hành đảm bảo thống nhất, ổn định, bền vững. Trung tâm dữ liệu quốc gia tích hợp, đồng bộ, lưu trữ, chia sẻ, phân tích, khai thác, điều phối dữ liệu của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật nhằm hình thành kho dữ liệu về con người và kho dữ liệu tổng hợp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia.

Giúp Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương: (1) Tập trung nguồn lực hạ tầng, công nghệ; (2) Giải quyết vấn đề hạn chế của các hệ thống thông tin, của việc tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan; (3) Tăng cường hiệu quả, tính minh bạch trong quản lý nhà nước, hiện đại hóa quy trình quản trị quốc gia; (4) Tiết kiệm nguồn lực đầu tư của nhà nước và xã hội; (5) Bảo đảm nguyên tắc phát triển xanh, chuyên sâu, hiệu quả đối với Trung tâm dữ liệu quốc gia.

*b) Nội dung của chính sách*

- Quy định về vị trí, vai trò của Trung tâm dữ liệu quốc gia

- Quy định về đăng ký, cấp tài nguyên hạ tầng Trung tâm dữ liệu quốc gia phục vụ hoạt động quản trị cơ sở dữ liệu thì bổ sung quy định về việc bảo đảm cung cấp hạ tầng cho hoạt động quản trị hệ thống thông tin khác của các cơ quan

nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (trừ hệ thống phục vụ quốc phòng, an ninh, các hệ thống chuyên ngành đặc thù khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định): Các cơ quan, đơn vị có thể sử dụng hạ tầng của Trung tâm dữ liệu quốc gia hoặc tự đầu tư hạ tầng theo tiêu chuẩn và đặt tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.

- Quy định về Quản trị, vận hành, sử dụng tài nguyên hạ tầng Trung tâm dữ liệu quốc gia: Trung tâm dữ liệu quốc gia quản lý và bảo đảm an ninh, an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin đặt tại Trung tâm dữ liệu quốc gia; đồng thời phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong quá trình tích hợp, chia sẻ dữ liệu tại vùng dùng chung của Trung tâm dữ liệu quốc gia. Các bộ, ban, ngành, địa phương và tổ chức chính trị xã hội tiếp tục thực hiện việc quản lý cơ sở dữ liệu trong hệ thống của đơn vị mình, phối hợp với Trung tâm dữ liệu quốc gia bảo đảm an ninh an toàn thông tin hệ thống, bảo mật dữ liệu tại đơn vị trong quá trình đồng bộ dữ liệu với Trung tâm dữ liệu quốc gia.

- Quy định về nâng cấp, bảo trì, sửa chữa hạ tầng Trung tâm dữ liệu quốc gia: Thực hiện theo nguyên tắc cơ quan nào đầu tư thì cơ quan đó chịu trách nhiệm nâng cấp, bảo trì, sửa chữa.

- Quy định về bố trí nguồn vốn để xây dựng, phát triển, nâng cấp và ưu tiên đầu tư trang thiết bị hiện đại cho Trung tâm dữ liệu quốc gia gồm: <sup>(1)</sup> Nguồn vốn phục vụ Trung tâm dữ liệu quốc gia được lấy từ kinh phí nhà nước từ nguồn ngân sách nhà nước đầu tư cho các bộ, ngành và kinh phí từ trung ương dự kiến hỗ trợ ngân sách địa phương; <sup>(2)</sup> lợi nhuận từ việc cung cấp dịch vụ từ dữ liệu; <sup>(3)</sup> bổ sung quy định về việc thành lập, sử dụng Quỹ phát triển dữ liệu quốc gia.

- Quy định về việc sử dụng Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia phục vụ chia sẻ dữ liệu giữa Trung tâm dữ liệu quốc gia và các cơ quan, tổ chức. Nền tảng này không xung đột mà sẽ hỗ trợ và được sử dụng song song với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.

- Quy định về lộ trình triển khai, quy định chuyển tiếp khi áp dụng: Thực hiện Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an đang xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia số 1 tại khu công nghệ cao Hòa Lạc, thành phố Hà Nội, dự kiến sẽ hoàn thiện và đi vào sử dụng từ cuối năm 2025. Do vậy lộ trình chuyển đổi hệ thống từ các bộ, ngành về Trung tâm dữ liệu quốc gia tại Nghị quyết 175/NQ-CP và lộ trình có hiệu lực của Luật dữ liệu (01/01/2026) là khả thi và phù hợp.

- Quy định về bảo vệ dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia (trách nhiệm của Trung tâm dữ liệu quốc gia; trách nhiệm của đơn vị chủ quản cơ sở dữ liệu đặt tại Trung tâm; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng dữ liệu).

- Quy định về bảo đảm nguồn lực hoạt động của Trung tâm dữ liệu quốc gia:

(1) Nhà nước bảo đảm kinh phí và cơ sở vật chất, đất đai, trụ sở, công trình cho hoạt động của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

(2) Bảo đảm nguồn nhân lực cho các hoạt động của Trung tâm dữ liệu quốc gia, có phương án thuê chuyên gia, doanh nghiệp, bảo đảm chất lượng dịch

vụ và an ninh, an toàn hệ thống. Quy định về đào tạo, bồi dưỡng nhân lực và chế độ, chính sách đãi ngộ cho nguồn nhân lực chất lượng cao.

(3) Quy định về cơ chế, chính sách ưu đãi cho tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu, phân tích, tổng hợp dữ liệu là đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp được hưởng ưu đãi tương tự như các doanh nghiệp, đơn vị hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao, đổi mới sáng tạo.

*c) Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn*

- Giải pháp thực hiện chính sách: Quy định về việc xây dựng, phát triển, sử dụng chung hạ tầng Trung tâm dữ liệu quốc gia phục vụ hoạt động quản trị cơ sở dữ liệu của các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; quy định về việc bảo đảm cung cấp hạ tầng cho hoạt động quản trị hệ thống thông tin khác của các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội

- Lý do lựa chọn:

Đối với Nhà nước: Giảm chi phí đầu tư cho Nhà nước về hạ tầng, nguồn lực chuyển đổi số, Nhà nước tập trung đầu tư cho việc phát triển đội ngũ vận hành hạ tầng Trung tâm dữ liệu duy nhất; bảo đảm thống nhất quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, cho hoạt động thu thập, lưu trữ, quản lý, khai thác, sử dụng, chia sẻ dữ liệu trong phạm vi cả nước; sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu đáp ứng yêu cầu phát triển xây dựng chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số; tiết kiệm được kinh phí đối với việc bố trí hoạt động quản trị các hệ thống thông tin ngoài cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

Đối với tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân: Được đăng ký, sử dụng dịch vụ hạ tầng trung tâm dữ liệu quốc gia, dịch vụ điện toán đám mây do Chính phủ cung cấp, giảm nguồn lực đầu tư, giảm mối lo ngại về lộ lọt dữ liệu;

Các bộ, ngành, địa phương tiết kiệm được chi phí thu thập, làm sạch dữ liệu về dân cư khi khai thác, sử dụng thông tin có sẵn trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

**4. Chính sách 4: Quy định về các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu**

*a) Mục tiêu của chính sách*

Sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu là sản phẩm, dịch vụ liên quan đến hoạt động xử lý dữ liệu nhằm mục đích thương mại. Dữ liệu là nguồn tài nguyên mới, là huyết mạch của các cơ quan, tổ chức hiện nay, nó được tạo lập từ nhiều nguồn khác nhau để mở ra không gian hoạt động và phát triển kinh tế - xã hội cho các quốc gia. Việc thiết lập thị trường dữ liệu, xây dựng và phát triển các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu hiện nay lại có vai trò rất quan trọng, được xem là yếu tố đột phá để từng bước tạo lập và thúc đẩy mở thị trường dữ liệu, lấy thị trường dữ liệu làm động lực phát triển dữ liệu và kích thích, thúc đẩy chuyển đổi số các ngành, các lĩnh vực, tăng năng lực cạnh tranh, bảo đảm cho tiến trình chuyển đổi số ở nước ta.

Theo Chiến lược dữ liệu quốc gia quy định tại Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ thì sẽ giao Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì việc xây dựng các sản phẩm dịch vụ dữ liệu. Tuy nhiên, hoạt động giao dịch dữ liệu tiềm ẩn nhiều nguy cơ, tác động lớn đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy, cần thiết phải quy định tại Luật này việc xây dựng, quản lý sản phẩm dịch vụ dữ liệu và bổ sung quy định về các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu để thực hiện quản lý bảo đảm chặt chẽ, thống nhất, bảo đảm an ninh, an toàn.

Bên cạnh đó, cũng cần hoàn thiện quy định về giá, phí đối với hoạt động cung cấp, kết nối, chia sẻ dữ liệu công, cũng như phương thức trao đổi, mua bán, giao dịch sản phẩm, dịch vụ dữ liệu.

*b) Nội dung của chính sách*

Quy định về các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu (quy định đối với việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ dựa trên cơ sở dữ liệu do cơ quan nhà nước tạo lập và cơ sở dữ liệu do tổ chức, cá nhân khác tạo lập), gồm:

(1) Trung tâm dữ liệu quốc gia (đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp thuộc Trung tâm) sử dụng nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu để cung cấp các dịch vụ:

- Xác thực điện tử đối với dữ liệu không gắn với chủ thể danh tính điện tử.
- Sản phẩm, dịch vụ phân tích và tổng hợp dữ liệu.
- Sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu.
- Sản phẩm giao dịch dữ liệu.

(2) Quản lý đối với tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu.

*c) Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn*

- Giải pháp thực hiện chính sách: Quy định về các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu (quy định đối với việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ dựa trên cơ sở dữ liệu do cơ quan nhà nước tạo lập và cơ sở dữ liệu do tổ chức, cá nhân khác tạo lập)

- Lý do lựa chọn:

Đối với Nhà nước: Giảm chi phí giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp khi sử dụng các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu. Giúp tái sử dụng những dữ liệu đã có; từ đó, giúp nhà nước tiết kiệm chi phí, không mất chi phí để thu thập hoặc yêu cầu người dân cung cấp các thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu.

Đối với tổ chức, doanh nghiệp: Được tiếp cận và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu, dễ dàng chuyển đổi dữ liệu; giảm chi phí trong thực hiện thủ tục hành chính, giao dịch dân sự. Việc tìm kiếm dữ liệu cần thiết sẽ được thực hiện nhanh chóng, từ đó có cái nhìn đa chiều để đánh giá và lựa chọn dữ liệu phù hợp.

Đối với cá nhân: Người dân được tiếp cận và sử dụng các sản phẩm, dịch

vụ liên quan đến dữ liệu; được tìm kiếm dữ liệu của bản thân và các thông tin cần thiết khác một cách nhanh chóng với nhiều hình thức đa dạng, đầy đủ ở nhiều lĩnh vực; tiết giảm được các chi phí trong việc đề nghị cơ quan, tổ chức cấp trích lục, chứng thực các loại giấy tờ của bản thân...; giảm chi phí trong thực hiện thủ tục hành chính như chi phí bưu chính, kê khai nhiều loại giấy tờ khác nhau... Số liệu cung cấp dịch vụ chấm điểm tín dụng, số liệu về việc khai thác dịch vụ cung cấp thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

## **V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT DỮ LIỆU SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA**

### **1. Về bảo đảm nguồn nhân lực**

Việc bảo đảm nguồn nhân lực trong triển khai thi hành Luật Dữ liệu cơ bản là đội ngũ những người làm công tác xử lý, quản trị dữ liệu hiện có của các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội. Dự án Luật không quy định về biên chế. Tuy nhiên, để bảo đảm thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện Luật sau khi được thông qua, Luật đã có quy định về tổ chức của Trung tâm dữ liệu quốc gia; việc quy định nội dung này trong Luật Dữ liệu là phù hợp và tương đồng với nhiều luật khác có quy định về tổ chức như: Luật Cơ yếu, Luật Cảnh sát cơ động, Luật Cảnh sát biển... Việc quy định thành lập một đơn vị mới thuộc Bộ Công an vẫn nằm trong tổng thể số lượng đầu mối các đơn vị của Bộ Công an đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Trong giai đoạn từ nay đến năm 2030, dự kiến Trung tâm dữ liệu quốc gia sẽ thu hút, đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ nhân lực thực hiện vận hành, quản trị hệ thống đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế trong quản trị dữ liệu.

### **2. Về bảo đảm nguồn tài chính**

a) Việc bảo đảm nguồn lực thực hiện các chính sách trong đề nghị xây dựng Luật về cơ bản do ngân sách nhà nước bảo đảm và nguồn thu từ việc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu. Việc xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia hiện đang triển khai thực hiện trên cơ sở thi hành Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia nên không làm phát sinh đột biến chi ngân sách nhà nước. Do vậy, việc thực hiện các chính sách trong đề nghị xây dựng Luật là hoàn toàn khả thi.

b) Kinh phí bồi dưỡng, tập huấn, tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tổ chức thi hành Luật Dữ liệu sau khi được Quốc hội thông qua và kinh phí phục vụ việc quản lý, duy trì hoạt động của Trung tâm dữ liệu quốc gia; đầu tư cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực công nghệ bảo đảm cho xây dựng, quản lý Trung tâm dữ liệu quốc gia. Việc sử dụng kinh phí phải đúng mục đích, nội dung, chế độ, định mức chi theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

## **VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA VĂN BẢN**

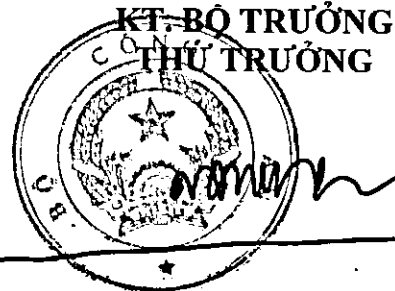
Bộ Công an kiến nghị Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề trình Quốc hội đưa dự án Luật Dữ liệu vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 của Quốc hội Khóa XV; dự kiến trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XV và xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XV.

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Luật Dữ liệu, Bộ Công an kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

(Gửi kèm theo: Báo cáo tổng kết, Báo cáo đánh giá tác động, Đề cương chi tiết Luật, Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia và các tài liệu khác có liên quan)

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- C06, H05, A05;
- Lưu: VT, V03 (P3).



**Trung tướng Lê Quốc Hùng**





# ĐU THẢO ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT LUẬT DỮ LIỆU

## Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về xây dựng, phát triển, xử lý, quản trị dữ liệu; ứng dụng khoa học công nghệ trong xử lý dữ liệu; Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; Trung tâm dữ liệu quốc gia; sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu; quản lý nhà nước về dữ liệu; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động về dữ liệu.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến các hoạt động về dữ liệu tại Việt Nam.

### Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Dữ liệu* là sự thể hiện dưới dạng kỹ thuật số của các hành vi, sự vật, sự kiện, thông tin, bao gồm dạng âm thanh, hình ảnh, chữ số, chữ viết, ký hiệu hoặc dạng tương tự khác.

2. *Xử lý dữ liệu* là một hoặc nhiều hoạt động tác động tới dữ liệu, như: thu thập, ghi, phân tích, tổng hợp, xác nhận, xác thực, lưu trữ, chỉnh sửa, cập nhật, điều chỉnh, công khai, kết hợp, truy cập, truy xuất, thu hồi, mã hóa, giải mã, sao chép, chia sẻ, truyền đưa, chuyển giao, xóa, hủy dữ liệu hoặc các hoạt động khác có liên quan.

3. *Quản trị dữ liệu* là hoạt động tổ chức thực hiện chính sách, chiến lược dữ liệu; biện pháp quản lý, xử lý dữ liệu, bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, kịp thời, bảo mật của dữ liệu.

4. *Dịch vụ trung gian dữ liệu* là dịch vụ thực hiện hoạt động truyền đưa dữ liệu giữa chủ thể quản lý dữ liệu và cơ quan, tổ chức, cá nhân được sử dụng dữ liệu theo quy định của pháp luật.

5. *Sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu* là sản phẩm, dịch vụ liên quan đến hoạt động xử lý dữ liệu nhằm mục đích thương mại.

6. *Chiến lược dữ liệu* là một kế hoạch dài hạn xác định công nghệ, quy trình, con người và quy tắc cần có để quản lý dữ liệu.

7. *Dữ liệu phi cá nhân* là dữ liệu không gắn liền với một con người cụ thể hoặc không giúp xác định một con người cụ thể.

k

8. *Cơ sở dữ liệu* là tập hợp các dữ liệu được sắp xếp, tổ chức để truy cập, khai thác, chia sẻ, quản lý và cập nhật thông tin.

9. *Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia* là cơ sở dữ liệu được tổng hợp từ nhiều nguồn cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác nhau của các ban, bộ, ngành chia sẻ dùng chung và dữ liệu khác.

10. *Sàn giao dịch dữ liệu* là sàn giao dịch trực tuyến qua mạng tạo môi trường giao dịch dữ liệu có sự giám sát đảm bảo an toàn, tuân thủ quy định của pháp luật; phát triển các dịch vụ dữ liệu như tổng hợp, phân tích, dán nhãn dữ liệu.

11. *Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu* là hạ tầng kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Chính phủ để phục vụ tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa Trung tâm dữ liệu quốc gia với các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

12. Tiêu chuẩn dữ liệu: Các quy định về định dạng dữ liệu, trao đổi dữ liệu phục vụ thu thập, lưu trữ, trao đổi dữ liệu”.

#### **Điều 4. Nguyên tắc chung**

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

2. Bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo đảm tính toàn vẹn của dữ liệu.

3. Đảm bảo công khai, minh bạch, bình đẳng trong tiếp cận, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu.

4. Thu thập, cập nhật, điều chỉnh thông tin, dữ liệu, tài liệu đầy đủ, chính xác, kịp thời; quản lý tập trung, thống nhất, chặt chẽ, duy trì, kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng hiệu quả, lưu trữ lâu dài.

5. Khai thác, điều phối dữ liệu đảm bảo hiệu quả, đơn giản thuận tiện cho cơ quan nhà nước, cá nhân và tổ chức trong thực hiện dịch vụ công, thủ tục hành chính và các giao dịch khác; tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân và tổ chức trong tiếp cận và sử dụng dữ liệu, đồng thời duy trì khuyến khích nghiên cứu các giải pháp tạo ra giá trị thông qua dữ liệu.

6. Đảm bảo tính kế thừa dữ liệu, hạn chế việc thu thập cập nhật lại các thông tin đã được lưu trữ, đồng bộ, quản lý tại Trung tâm dữ liệu quốc gia và hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước.

#### **Điều 5. Các hành vi bị nghiêm cấm**

1. Lợi dụng việc xử lý dữ liệu, quản trị dữ liệu xâm phạm đến lợi ích quốc gia, dân tộc, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

L

2. Cản trở hoặc ngăn chặn trái pháp luật quá trình xử lý dữ liệu, quản trị dữ liệu hoặc có hành vi khác nhằm phá hoại hệ thống thông tin phục vụ xử lý dữ liệu.

3. Thu thập, cung cấp, sử dụng, truy cập, tiết lộ, hiển thị, phát tán, chia sẻ trái pháp luật dữ liệu.

4. Giả mạo, làm sai lệch hoặc xóa, hủy, sao chép, di chuyển trái pháp luật một phần hoặc toàn bộ dữ liệu.

5. Gian lận, chiếm đoạt hoặc sử dụng dữ liệu trái pháp luật.

6. Cố ý cung cấp thông tin sai lệch hoặc không cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật trong quá trình tạo lập, chia sẻ dữ liệu.

7. Kinh doanh, mua bán, trao đổi dữ liệu trái pháp luật.

## **Chương II**

### **XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN, XỬ LÝ, QUẢN TRỊ DỮ LIỆU; ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRONG XỬ LÝ DỮ LIỆU; QUỸ PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU QUỐC GIA; HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ DỮ LIỆU**

#### **Điều 6. Thu thập, số hóa và tạo lập dữ liệu**

1. Cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được thu thập, số hóa, tạo lập và đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, kịp thời của thông tin, dữ liệu theo chức năng nhiệm vụ được giao.

2. Trung tâm dữ liệu quốc gia được thu thập, số hóa, tạo lập dữ liệu và yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp, chia sẻ, đồng bộ thông tin, dữ liệu phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu tổng hợp và chỉ đạo điều hành của Chính phủ và tình trạng khẩn cấp công cộng trừ các thông tin, dữ liệu dùng riêng theo quy định của Luật này.

3. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được thu thập thông tin, dữ liệu khi được chủ thể dữ liệu đồng ý.

4. Cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội phải tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn về dữ liệu khi chia sẻ, tạo lập dữ liệu.

5. Dữ liệu được thu thập phù hợp với tính chất của loại dữ liệu gồm dữ liệu tĩnh, dữ liệu động, dữ liệu phân tích, thống kê.

#### **Điều 7. Bảo đảm chất lượng dữ liệu**

1. Kiểm tra, bảo đảm chính xác trước khi thu thập, cập nhật, điều chỉnh

2. Đúng đối tượng.

3. Đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn về loại dữ liệu thu thập

4. Bảo đảm tính toàn vẹn, sẵn sàng khai thác, sử dụng.

L

5. Quy định chuyển tiếp về việc chuẩn hóa chất lượng dữ liệu.

### **Điều 8. Phân loại dữ liệu**

1. Dữ liệu dùng chung là dữ liệu được khai thác, sử dụng trong phạm vi cơ quan nhà nước.

2. Dữ liệu dùng riêng là dữ liệu được tiếp cận, khai thác, sử dụng trong phạm vi của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

3. Dữ liệu mở là dữ liệu mà cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng đều được khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật.

4. Dữ liệu tĩnh là dữ liệu ít có sự thay đổi sau khi xử lý.

5. Dữ liệu động là dữ liệu thường xuyên thay đổi, cập nhật, điều chỉnh theo kết quả của một quy trình, thủ tục, giao dịch cụ thể.

6. Dữ liệu phân tích, thống kê là dữ liệu được xử lý để tăng giá trị sử dụng so với dữ liệu ban đầu.

7. Độ mở của dữ liệu được xác định theo phạm vi tiếp cận, khai thác, sử dụng dữ liệu theo các mức độ: cơ quan, tổ chức cá nhân; dùng chung trong cơ quan nhà nước; ngành, lĩnh vực.

8. Dữ liệu chủ là dữ liệu chứa thông tin cơ bản nhất để mô tả một đối tượng cụ thể, làm cơ sở tham chiếu, đồng bộ giữa các cơ sở dữ liệu hoặc tập dữ liệu khác nhau.

### **Điều 9. Lưu trữ dữ liệu**

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phải xác định loại dữ liệu chủ trong cơ sở dữ liệu và phân loại, tổ chức lưu trữ dữ liệu theo mô hình sau:

- a) Kho dữ liệu mở phục vụ cơ quan, tổ chức, cá nhân;
- b) Kho dữ liệu dùng chung trong phạm vi cơ quan nhà nước;
- c) Kho dữ liệu dùng riêng trong nội bộ, cơ quan, đơn vị.

2. Khuyến khích tổ chức, cá nhân không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện lưu trữ, xử lý dữ liệu tập trung, thống nhất hình thành các cơ sở dữ liệu theo mô hình tại khoản 1 Điều này.

3. Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu khác của cơ quan Nhà nước được lưu trữ và xử lý dữ liệu trên hạ tầng của Trung tâm dữ liệu quốc gia trừ các cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin dùng riêng theo quy định của Luật này.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác không thuộc quy định tại Khoản 1 Điều này thỏa thuận sử dụng dữ liệu trên hạ tầng của Trung tâm dữ liệu quốc gia bằng hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa cơ quan, tổ chức, cá nhân đó với tổ chức cung cấp dịch vụ khai thác dữ liệu và hạ tầng Trung tâm dữ liệu quốc gia.

5. Thời hạn lưu trữ dữ liệu của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

#### **Điều 10. Kết hợp, chỉnh sửa, điều chỉnh và cập nhật dữ liệu**

1. Kết hợp dữ liệu là việc kết hợp dữ liệu từ các nguồn khác nhau vào một tập dữ liệu duy nhất cho phân tích sau đó hoặc được lưu trữ trong kho dữ liệu. Các công cụ kết hợp dữ liệu giúp kết hợp dữ liệu và hầu hết đều yêu cầu chuẩn bị và chuẩn hóa trước khi có thể kết hợp dữ liệu với nhau.

2. Điều chỉnh và cập nhật dữ liệu là việc thực hiện bổ sung, sửa, xóa một hoặc nhiều bản ghi dữ liệu trong các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý cơ sở dữ liệu nào thì có trách nhiệm thực hiện điều chỉnh, cập nhật dữ liệu thường xuyên, liên tục đảm bảo tính chính xác, giá trị sử dụng của các thông tin, dữ liệu trong cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó quản lý.

#### **Điều 11. Chiến lược dữ liệu**

1. Chính phủ ban hành Chiến lược dữ liệu quốc gia phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phục vụ chuyển đổi số quốc gia và hiện đại hóa công tác quản lý xã hội.

2. Thủ tướng Chính phủ ban hành chiến lược dữ liệu đối với cơ sở dữ liệu quốc gia, bảo đảm phù hợp với Chiến lược dữ liệu quốc gia.

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành chiến lược dữ liệu đối với cơ sở dữ liệu chuyên ngành do mình quản lý, bảo đảm phù hợp với Chiến lược dữ liệu quốc gia.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

#### **Điều 12. Quản trị dữ liệu**

1. Yêu cầu về quản trị dữ liệu (bảo đảm đồng bộ, liên tục, kịp thời).

2. Đơn vị được giao quyền quản trị cơ sở dữ liệu của Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội phải phối hợp đơn vị chuyên trách về an ninh mạng thuộc Bộ Công an, an toàn thông tin thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, Trung tâm dữ liệu quốc gia trong thực hiện việc bảo vệ an toàn, an ninh dữ liệu.

3. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu phải ban hành các chính sách, phân quyền quản lý, điều phối, giám sát, bảo mật dữ liệu áp dụng đối với cơ sở dữ liệu do mình quản lý.

### **Điều 13. Chia sẻ dữ liệu**

1. Chia sẻ dữ liệu là hoạt động cung cấp các tài nguyên dữ liệu giống nhau cho nhiều ứng dụng, người dùng hoặc tổ chức.

2. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được chia sẻ dữ liệu thuộc phạm vi quản lý theo chức năng nhiệm vụ được giao.

3. Trung tâm dữ liệu quốc gia chia sẻ dữ liệu lưu trữ, quản lý tại Trung tâm dữ liệu quốc gia phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ hoặc phục vụ giải quyết tình trạng khẩn cấp; trừ thông tin, dữ liệu dùng riêng theo quy định của Luật này.

Trường hợp phục vụ mục đích khác, Trung tâm dữ liệu quốc gia thực hiện điều phối khi có yêu cầu hoặc được sự đồng ý, ủy quyền của chủ thể thông tin, sở hữu dữ liệu.

4. Việc chia sẻ dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia thực hiện qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu.

5. Thủ tướng Chính phủ quyết định việc chia sẻ dữ liệu dùng riêng do các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý để giải quyết tình trạng khẩn cấp; trường hợp đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ; trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn.

### **Điều 14. Cung cấp dữ liệu cho cơ quan nhà nước**

1. Tổ chức, cá nhân phải thực hiện cung cấp, kê khai các thông tin, dữ liệu cho cơ quan nhà nước khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân được quyền tự nguyện đóng góp dữ liệu thuộc sở hữu hoặc được lưu trữ, thu thập theo quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước để phục vụ mục đích công cộng, hoạt động nghiên cứu khoa học hoặc tình trạng khẩn cấp công cộng (cung cấp cho Trung tâm dữ liệu quốc gia).

3. Chính phủ quy định chi tiết việc thực hiện cung cấp dữ liệu cho cơ quan nhà nước.

### **Điều 15. Phân tích, tổng hợp dữ liệu**

Phân tích, tổng hợp dữ liệu là hoạt động chuyển đổi dữ liệu thô thành thông tin chuyên sâu hữu ích. Quá trình này bao gồm đa dạng các công cụ, công

nghệ và quy trình được áp dụng để tìm kiếm xu hướng và giải quyết vấn đề bằng dữ liệu.

#### **Điều 16. Xác nhận, xác thực dữ liệu**

1. Xác nhận dữ liệu là hoạt động thừa nhận dữ liệu là đúng sự thật.
2. Xác thực dữ liệu là hoạt động nhằm thiết lập hoặc chứng thực đối tượng dữ liệu là đáng tin cậy.

#### **Điều 17. Công khai dữ liệu**

1. Công khai dữ liệu là việc cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân công bố, cung cấp thông tin chính thức về một tập dữ liệu nhất định.
2. Các hình thức công khai dữ liệu bao gồm:
  - a) Niêm yết thông tin;
  - b) Đăng tải trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử và các phương tiện thông tin đại chúng;
  - c) Thông qua hội thảo, hội nghị trao đổi, đối thoại cung cấp thông tin;
  - d) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.
3. Thời điểm công khai dữ liệu đối với từng lĩnh vực được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.
4. Các dữ liệu không được phép công khai (dữ liệu cá nhân mà không được chủ thể dữ liệu đồng ý; dữ liệu là bí mật nhà nước; dữ liệu tác động đến quốc phòng, an ninh).

#### **Điều 18. Truy cập, truy xuất dữ liệu**

1. Truy cập dữ liệu là hoạt động lấy dữ liệu từ một nguồn và hiển thị chúng cho người dùng hoặc ứng dụng.
2. Truy xuất dữ liệu là hoạt động lấy ra các dữ liệu lưu trữ thoả mãn một số tiêu chí nào đó.

#### **Điều 19. Mã hóa, giải mã dữ liệu**

1. Đối với dữ liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước, khi truyền, nhận, chia sẻ phải được mã hóa bằng mật mã của cơ yếu.
2. Đối với dữ liệu đã được mã hóa, bên nhận thực hiện giải mật về dạng dữ liệu có thể đọc, hiểu được như dữ liệu ban đầu.
3. Ban Cơ yếu Chính phủ là cơ quan mật mã quốc gia có trách nhiệm triển khai các sản phẩm mã hóa, giải mã dữ liệu.

4. Mã hóa dữ liệu là việc chuyển đổi dữ liệu từ định dạng có thể đọc được sang định dạng được mã hóa. Dữ liệu được mã hóa chỉ có thể được đọc hoặc xử lý sau khi được giải mã.

5. Giải mã dữ liệu là quá trình chuyển đổi dữ liệu đã được mã hóa thành dữ liệu có thể đọc được, đúng với dữ liệu gốc.

#### **Điều 20. Sao chép, truyền đưa, chuyển giao dữ liệu**

1. Sao chép dữ liệu là hoạt động truy xuất dữ liệu và lưu trữ các dữ liệu được truy xuất lên môi trường riêng biệt với bản gốc.

2. Truyền đưa dữ liệu là hoạt động chuyển giao dữ liệu qua một kênh truyền.

3. Chuyển giao dữ liệu là hoạt động chuyển một số hoặc tất cả các quyền và nghĩa vụ đối với dữ liệu cho người, tổ chức khác thông qua một thỏa thuận bằng văn bản.

#### **Điều 21. Thu hồi, xóa, hủy dữ liệu**

1. Thu hồi dữ liệu là hoạt động lấy lại dữ liệu đã phát, chia sẻ cho các cá nhân, tổ chức hoặc công khai trên phương tiện truyền thông đại chúng.

2. Xóa dữ liệu là hoạt động loại bỏ dữ liệu khỏi cấu trúc, môi trường đang được lưu trữ.

3. Hủy dữ liệu là hoạt động loại bỏ dữ liệu khỏi cấu trúc, môi trường đang được lưu trữ và đảm bảo dữ liệu đã loại bỏ không có khả năng phục hồi.

#### **Điều 22. Ứng dụng khoa học công nghệ trong xử lý dữ liệu**

1. Nhà nước khuyến khích việc xử lý, quản trị dữ liệu thông qua ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, công nghệ chuỗi khối, công nghệ truyền thông dữ liệu, công nghệ Internet vạn vật, công nghệ dữ liệu lớn và các công nghệ hiện đại khác để phục vụ công tác quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội; đáp ứng yêu cầu trong chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

2. Nguyên tắc trong phát triển công nghệ trong xử lý dữ liệu.

3. Nguyên tắc trong ứng dụng công nghệ (vào quản lý nhà nước, vào phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ hoạt động của xã hội).

4. Định hướng phát triển, sử dụng các công nghệ tại Việt Nam

Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công Nghệ tham mưu, trình Chính phủ ban hành Chiến lược về phát triển công nghệ trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, công nghệ chuỗi khối, công nghệ truyền thông dữ liệu, công nghệ Internet vạn vật, công nghệ dữ liệu lớn và các công nghệ hiện đại khác.



**Điều 23. Quy định về xác định và quản lý rủi ro phát sinh trong xử lý dữ liệu.**

1. Sao lưu.
2. Phương án xử lý sự cố.
3. Bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp hệ thống.
4. Về bảo đảm an toàn dữ liệu (mã hóa, bảo mật, nguyên tắc bảo vệ theo cấp độ..).

**Điều 24. Quỹ phát triển dữ liệu quốc gia**

1. Quỹ phát triển dữ liệu quốc gia là quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách, được hình thành ở Trung ương để huy động nguồn lực xã hội hỗ trợ việc xây dựng, phát triển dữ liệu quốc gia.

2. Quỹ phát triển dữ liệu quốc gia được hình thành từ các nguồn tài chính sau đây:

- a) Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước;
- b) Từ phí khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia;
- c) Đóng góp từ doanh thu của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Trung tâm dữ liệu quốc gia;

3. Quỹ phát triển dữ liệu quốc gia được ưu tiên chi các hoạt động sau đây:

- a) Hỗ trợ việc đầu tư, xây dựng, mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động của Trung tâm dữ liệu quốc gia;
- b) Hỗ trợ cho người làm công tác xử lý, quản trị dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia;
- c) Hỗ trợ việc nghiên cứu giải pháp gia tăng bảo vệ dữ liệu, chuyển giao công nghệ về dữ liệu, phát triển ứng dụng công nghệ cao liên quan đến dữ liệu;
- d) Hỗ trợ khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác xây dựng, phát triển dữ liệu;

đ) Hỗ trợ hợp tác quốc tế về dữ liệu.

4. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ phát triển dữ liệu quốc gia:

- a) Không vì mục đích lợi nhuận;
- b) Quản lý, sử dụng đúng mục đích, đúng pháp luật, kịp thời, hiệu quả, bảo đảm công khai, minh bạch;
- c) Hỗ trợ cho các hoạt động xây dựng, phát triển, ứng dụng dữ liệu mà ngân sách nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng yêu cầu;

k

5. Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập, quản lý, sử dụng Quỹ phát triển dữ liệu quốc gia.

#### **Điều 25. Bảo vệ dữ liệu**

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải tuân thủ quy định của pháp luật về dữ liệu, pháp luật về giao dịch điện tử, pháp luật về an toàn thông tin mạng, pháp luật về an ninh mạng và quy định khác của pháp luật có liên quan khi xử lý dữ liệu.

2. Dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và pháp luật về cơ yếu.

3. Việc bảo vệ dữ liệu cá nhân tuân thủ theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

#### **Điều 26. Hợp tác quốc tế về dữ liệu**

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện hợp tác quốc tế về dữ liệu phù hợp với pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế; thực hiện điều ước quốc tế liên quan đến dữ liệu mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

### **Chương III**

## **CƠ SỞ DỮ LIỆU TỔNG HỢP QUỐC GIA**

#### **Điều 27. Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia**

1. Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia gồm các trường thông tin được đồng bộ từ dữ liệu mở, dữ liệu dùng chung được quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 9 Luật này và dữ liệu được cung cấp quy định tại Điều 14 Luật này.

Dữ liệu được đồng bộ thông qua các nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu, bảo đảm dữ liệu đáp ứng tiêu chí: đúng, đủ, sạch, sống.

2. Dữ liệu được đồng bộ, lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia của Trung tâm dữ liệu quốc gia thuộc cơ sở dữ liệu nào thì cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu đó chịu trách nhiệm quản trị dữ liệu.

Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia được thiết kế thành các kho dữ liệu tổng hợp phục vụ công tác quản lý nhà nước và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

**Điều 28. Thu thập, cập nhật, điều chỉnh, quản lý, khai thác và vận hành; tích hợp, đồng bộ, lưu trữ, kết nối, chia sẻ, phân tích, điều phối thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia**

1. Nguồn thu thập, đồng bộ, điều chỉnh, cập nhật thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia:

↳

a) Kết quả của quá trình thực hiện các thủ tục hành chính, nghiệp vụ, dịch vụ công của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Thông tin, dữ liệu được chia sẻ, đồng bộ từ các Cơ sở dữ liệu theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 của Luật này;

c) Thông tin, dữ liệu được số hóa, cung cấp, tích hợp bởi cá nhân, tổ chức.

2. Cách thức khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia:

a) Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin khác với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia;

b) Văn bản cung cấp thông tin;

c) Thiết bị, phần mềm theo hướng dẫn của cơ quan quản lý Trung tâm dữ liệu quốc gia;

### **Điều 29. Sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia**

1. Phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

2. Phục vụ hoạch định chính sách, xây dựng quy hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

3. Phục vụ nhu cầu khai thác, sử dụng, ứng dụng dữ liệu của tổ chức, cá nhân.

### **Điều 30. Trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, cá nhân, tổ chức khác**

1. Cơ quan nhà nước được giao quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành có trách nhiệm như sau:

a) Xây dựng, thu thập, cập nhật dữ liệu đảm bảo chính xác các trường thông tin trong cơ sở dữ liệu mình quản lý.

Trường hợp pháp luật chưa quy định về trường thông tin được thu thập, cập nhật trong Cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi mình quản lý thì tham mưu cho cấp có thẩm quyền ban hành Văn bản quy phạm pháp luật để quy định cụ thể các trường thông tin đó.

b) Kết nối, chia sẻ, đồng bộ các trường thông tin trong cơ sở dữ liệu thuộc cơ quan, đơn vị mình quản lý lần đầu cho Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và cập nhật đồng bộ ngay khi có thay đổi về dữ liệu và số trường thông tin trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

L

Trường hợp chưa xây dựng cơ sở dữ liệu thì thực hiện triển khai trên hạ tầng do Trung tâm dữ liệu quốc gia cung cấp và phối hợp với Trung tâm dữ liệu quốc gia để số hóa, thu thập dữ liệu theo quy định của pháp luật;

c) Đồng bộ cập nhật ngay khi có kết quả giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đảm bảo ổn định, liên tục

2. Đối với cá nhân là người Việt Nam, tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam, cá nhân, tổ chức doanh nghiệp nước ngoài hoạt động tại Việt Nam có trách nhiệm như sau:

a) Cung cấp, chia sẻ, đồng bộ, cập nhật dữ liệu cho Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia vì mục đích chung ngay sau khi có văn bản đề nghị cung cấp thông tin của Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.

b) Việc xây dựng, duy trì, hạ tầng, hệ thống của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp phục vụ cung cấp thông tin, dữ liệu cho Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia do nhà nước đảm bảo.

c) Việc thực hiện thu thập thông tin trong trường hợp bắt buộc (ứng phó với tình trạng khẩn cấp, tác động đến quốc phòng, an ninh, sức khỏe cộng đồng...)

**Điều 31. Mối quan hệ giữa Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cổng dịch vụ công quốc gia và cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin khác**

1. Việc kết nối, cập nhật, chia sẻ, khai thác, sử dụng thông tin giữa Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và các cơ sở dữ liệu khác phải bảo đảm hiệu quả, an toàn, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Thông tin có trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phải được cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác vào Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.

**Điều 32. Phí khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia**

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia không phải nộp phí.

2. Cá nhân khai thác, sử dụng thông tin của mình thì không phải nộp phí.

3. Tổ chức, cá nhân không thuộc khoản 1, khoản 2 Điều này khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia phải nộp phí theo quy định của Chính phủ.

#### Chương IV

### TRUNG TÂM DỮ LIỆU QUỐC GIA

### **Điều 33. Xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia**

1. Trung tâm dữ liệu quốc gia được thiết kế, xây dựng đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, quy chuẩn về trung tâm dữ liệu, bảo đảm hiện đại, phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông.

2. Trung tâm dữ liệu quốc gia được thiết kế, xây dựng theo các tiêu chuẩn, định mức, yêu cầu kỹ thuật trong nước và quốc tế để bảo đảm chống bom đạn, khủng bố; tiêu chuẩn, yêu cầu về bảo vệ môi trường, ưu tiên sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo, giải pháp thông minh để kiểm soát nguồn năng lượng.

3. Trung tâm dữ liệu quốc gia được thiết kế, triển khai các giải pháp bảo đảm an ninh, bảo mật ở mức cao nhất, hiện đại nhất để kiểm soát, phát hiện, ngăn chặn tấn công, đột nhập, hoạt động chống phá tại từng khu vực, hành lang dưới mặt đất cũng như vùng trời.

4. Hệ thống công nghệ thông tin của Trung tâm dữ liệu quốc gia được thiết kế xây dựng đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, quy chuẩn về bảo đảm mức độ sẵn sàng của hệ thống, thiết kế hệ thống với mức dự phòng đặc biệt nhằm sẵn sàng trong trường hợp mở rộng khi cần thiết. Môi trường vận hành hệ thống thông tin của Trung tâm dữ liệu quốc gia tách biệt với các môi trường phát triển, kiểm tra và thử nghiệm, bảo đảm an ninh, bảo mật theo ở mức cao nhất, hiện đại nhất nhằm kiểm soát, phát hiện, ngăn chặn các nguy cơ mất an ninh, an toàn thông tin.

5. Các thành phần công nghệ thông tin chính của Trung tâm dữ liệu quốc gia gồm:

a) Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu;

b) Cơ sở hạ tầng điện toán đám mây;

Trung tâm dữ liệu quốc gia xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng điện toán đám mây và triển khai thành các vùng chức năng để phục vụ nhu cầu của bộ ngành, địa phương, bảo đảm việc phát triển các phân hệ tích hợp, đồng bộ, khai thác dữ liệu, yêu cầu cao về bảo mật thông tin;

c) Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia;

d) Hệ thống phân tích dữ liệu phục vụ công tác quản lý

Trung tâm dữ liệu quốc gia thiết lập hạ tầng tính toán hiệu suất cao và hệ thống phân tích dữ liệu phục vụ công tác quản lý với các mô hình phân tích dự báo phục vụ công tác khai thác các kho dữ liệu tổng hợp từ cơ sở dữ liệu quốc gia. Cung cấp điều kiện kỹ thuật hỗ trợ việc nghiên cứu phát triển lĩnh vực toán ứng dụng;

đ) Hệ thống dịch vụ dữ liệu chuyên ngành và hệ thống quản lý khai thác dữ liệu chuyên ngành.

*l*

Trung tâm dữ liệu quốc gia tạo lập các kho dữ liệu cùng với hệ thống quản lý khai thác dữ liệu chuyên ngành phục vụ việc khai thác của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội đối với dữ liệu dùng chung và dữ liệu mở.

6. Các thành phần công nghệ thông tin của Trung tâm dữ liệu quốc gia được thiết kế thành vùng dùng chung và vùng chuyên dụng.

Vùng dùng chung bao gồm kho dữ liệu mở của Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, kho dữ liệu dùng chung, nền tảng điện toán đám mây, hệ thống thiết bị công nghệ thông tin phục vụ các cơ quan khai thác, sử dụng.

Vùng chuyên dụng bao gồm kho dữ liệu tổng hợp, nền tảng điện toán đám mây dùng riêng cho Trung tâm dữ liệu quốc gia phục vụ xử lý dữ liệu, hệ thống thiết bị công nghệ thông tin, được bảo vệ nghiêm ngặt bảo đảm triển khai các dữ liệu bí mật nhà nước chuyên ngành và các dữ liệu được phân tích để đồng bộ ra vùng dùng chung phục vụ khai thác.

#### **Điều 34. Vị trí, vai trò Trung tâm dữ liệu quốc gia và Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia**

1. Trung tâm dữ liệu quốc gia là trung tâm dữ liệu do Chính phủ xây dựng, quản lý, khai thác và vận hành đảm bảo thống nhất, ổn định, bền vững.

2. Trung tâm dữ liệu quốc gia tích hợp, đồng bộ, lưu trữ, chia sẻ, phân tích, khai thác, điều phối dữ liệu của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật nhằm hình thành kho dữ liệu về con người và kho dữ liệu tổng hợp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia.

3. Dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia là nền tảng cốt lõi cung cấp các dịch vụ liên quan đến dữ liệu, hỗ trợ hoạch định chính sách, kiến tạo phát triển, xây dựng Chính phủ số, xã hội số và kinh tế số, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

4. Trung tâm dữ liệu quốc gia cung cấp hạ tầng công nghệ thông tin cho các tổ chức chính trị - xã hội, hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và các cơ quan có nhu cầu sử dụng để khai thác, vận hành, nâng cao hiệu quả, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin.

5. Trung tâm dữ liệu quốc gia là cơ quan được giao quản lý Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, do Bộ trưởng Bộ Công an trực tiếp quản lý, bảo đảm việc lưu trữ, quản lý, chia sẻ, khai thác dữ liệu của Đảng và Nhà nước, đồng thời quản lý chuyên ngành về dữ liệu, có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Công an thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về dữ liệu.

6. Giúp Bộ trưởng Bộ Công an tham mưu với Đảng, Nhà nước về chủ trương, chính sách, pháp luật và tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước về

dữ liệu và quy trình đồng bộ, quản lý, chia sẻ, khai thác dữ liệu giữa các cơ quan, tổ chức, người dân, doanh nghiệp và Trung tâm dữ liệu quốc gia.

7. Tổ chức vận hành, quản trị, lưu trữ, chia sẻ, nghiên cứu, ứng dụng, khai thác, phát triển dữ liệu; cung cấp hạ tầng công nghệ thông tin, giải pháp kỹ thuật cho các cơ quan, đơn vị khi có nhu cầu; bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống, cơ sở dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

8. Lưu trữ, quản lý, khai thác, phát triển; điều phối dữ liệu với các bộ, ngành; phân tích phục vụ điều hành, xây dựng chính sách; nghiên cứu phát triển dữ liệu; cung cấp kho dữ liệu dùng chung để thực hiện các công tác quản lý nhà nước.

9. Trung tâm dữ liệu quốc gia thực hiện tổng hợp, phân tích, đánh giá việc triển khai thực hiện chiến lược dữ liệu quốc gia.

### **Điều 35. Quy định về đăng ký, cấp tài nguyên hạ tầng Trung tâm dữ liệu quốc gia**

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được sử dụng hạ tầng của Trung tâm dữ liệu quốc gia hoặc tự đầu tư hạ tầng theo tiêu chuẩn chung và đặt tại Trung tâm dữ liệu quốc gia để quản trị, vận hành, khai thác, sử dụng tập trung (trừ hệ thống phục vụ quốc phòng, an ninh, các hệ thống chuyên ngành đặc thù khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định).

a) Đối với cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội đã đầu tư hệ thống thông tin: Tiếp tục quản trị vận hành hệ thống, thiết bị đã đầu tư đến hết thời gian sử dụng, khấu hao theo quy định.

Phối hợp với Trung tâm dữ liệu quốc gia xác định thời điểm, giải pháp thực hiện chuyển đổi, di dời, tích hợp hệ thống về Trung tâm dữ liệu quốc gia, bảo đảm có thể kế thừa, tận dụng tối đa tài sản đã đầu tư và phù hợp với lộ trình xây dựng, phát triển Trung tâm dữ liệu quốc gia;

b) Đối với cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội chưa đầu tư hệ thống hoặc đang đi thuê hạ tầng thông tin: Được sử dụng tài nguyên hạ tầng hoặc đầu tư hệ thống, thiết bị, giải pháp để tích hợp, đặt tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.

2. Đăng ký nhu cầu.

3. Cấp tài nguyên hạ tầng

### **Điều 36. Nhiệm vụ của Trung tâm dữ liệu quốc gia**

1. Thực hiện xử lý dữ liệu, quản trị Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.

*e*

2. Thực hiện quản trị, vận hành hạ tầng kỹ thuật tại Trung tâm dữ liệu quốc gia (phần cứng, phần mềm công nghệ thông tin; điện, điều hòa, môi trường; phòng cháy chữa cháy; an ninh vật lý; đường truyền; cung cấp hạ tầng nhà trạm...).

3. Thực hiện giải pháp, phương án bảo đảm an ninh, an toàn, bảo mật dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.

4. Tổ chức thực hiện hợp tác quốc tế về dữ liệu.

5. Tổng hợp, phân tích, đánh giá việc triển khai được thực hiện chiến lược dữ liệu quốc gia.

**Điều 37. Nâng cấp, bảo trì, sửa chữa hạ tầng, thiết bị đặt tại Trung tâm dữ liệu quốc gia**

1. Tài nguyên hạ tầng do Trung tâm dữ liệu quốc gia đầu tư, trang bị thì do Trung tâm dữ liệu quốc gia thực hiện nâng cấp, bảo trì, sửa chữa.

2. Thiết bị công nghệ thông tin do cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội đầu tư, trang bị và đặt tại Trung tâm dữ liệu quốc gia thì do cơ quan, tổ chức đó chịu trách nhiệm nâng cấp, bảo trì, sửa chữa.

**Điều 38. Bảo đảm nguồn lực hoạt động xây dựng, phát triển của Trung tâm dữ liệu quốc gia**

1. Nguồn vốn phục vụ hoạt động của Trung tâm dữ liệu quốc gia được lấy từ kinh phí nhà nước, Quỹ phát triển dữ liệu quốc gia và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Nhà nước ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, đất đai, trụ sở, công trình, công nghệ, bảo đảm ngân sách cho xây dựng và quản lý nhà nước về dữ liệu, quản trị dữ liệu, xây dựng, quản lý và vận hành Trung tâm dữ liệu, Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.

3. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước tài trợ, hỗ trợ để xây dựng, quản lý quản lý nhà nước về dữ liệu, quản trị dữ liệu, xây dựng, quản lý và vận hành Trung tâm dữ liệu, Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.

4. Bảo đảm nguồn nhân lực cho các hoạt động của Trung tâm dữ liệu quốc gia, có phương án thuê chuyên gia, doanh nghiệp, bảo đảm chất lượng dịch vụ và an ninh, an toàn hệ thống. Quy định về đào tạo, bồi dưỡng nhân lực và chế độ, chính sách đãi ngộ cho nguồn nhân lực chất lượng cao.

**Điều 39. Bảo vệ dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia**

1. Trung tâm dữ liệu quốc gia xây dựng, ban hành quy chế vận hành, sử dụng hệ thống thông tin; phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng đối với hệ thống thông tin; phương án ứng phó, khắc phục sự cố an ninh mạng.

l



2. Ứng dụng, triển khai phương án, biện pháp, công nghệ bảo vệ dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.

3. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thực hiện các nhiệm vụ có liên quan về dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia được tổ chức bồi dưỡng kiến thức về bảo vệ dữ liệu.

4. Dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia được bảo vệ trong hoạt động cung cấp dịch vụ công trên không gian mạng, cung cấp, trao đổi, thu thập thông tin với cơ quan, tổ chức, cá nhân, chia sẻ thông tin trong nội bộ và với cơ quan khác hoặc trong hoạt động khác.

**Điều 40. Môi quan hệ giữa Trung tâm dữ liệu quốc gia với các cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin của bộ, ngành, địa phương.**

#### 1. Về đồng bộ dữ liệu

Cơ quan nhà nước, cơ quan quản lý các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có trách nhiệm đồng bộ dữ liệu quy định tại khoản 1 Điều 9 về Trung tâm dữ liệu quốc gia để lưu trữ và khai thác tập trung.

#### 2. Về quản trị dữ liệu

a) Trung tâm dữ liệu quốc gia quản lý và bảo đảm an ninh, an toàn thông tin đối với các dữ liệu đã được đồng bộ về Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia;

b) Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện việc quản trị cơ sở dữ liệu trong hệ thống của cơ quan, tổ chức, phối hợp với Trung tâm dữ liệu quốc gia bảo đảm an ninh, an toàn thông tin hệ thống, bảo mật dữ liệu tại đơn vị trong quá trình đồng bộ dữ liệu với Trung tâm dữ liệu quốc gia.

#### 3. Về lưu trữ dữ liệu

a) Trung tâm dữ liệu quốc gia lưu trữ dữ liệu được đồng bộ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 để xây dựng kho dữ liệu dùng chung cho các cơ quan, tổ chức để tổng hợp, phân tích, đánh giá, kịp thời phục vụ hoạch định đường lối, chính sách, phát triển kinh tế - xã hội;

b) Dữ liệu của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội vẫn được lưu trữ, xử lý tại hệ thống Trung tâm dữ liệu quốc gia theo yêu cầu riêng, phục vụ các mặt công tác quản lý nhà nước của các cơ quan, tổ chức.

#### 4. Khai thác và sử dụng dữ liệu

a) Đối với các cơ quan, đơn vị triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu trên cơ sở hạ tầng điện toán đám mây của Trung tâm dữ liệu quốc gia sử dụng Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu để khai thác dữ liệu;

b) Đối với các cơ quan, đơn vị không triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu trên

6

cơ sở hạ tầng điện toán đám mây của Trung tâm dữ liệu quốc gia thì vẫn sử dụng các nền tảng kết nối chia sẻ đang triển khai;

c) Các bộ, ngành, địa phương khi có nhu cầu về khai thác dữ liệu phải bảo đảm an ninh, an toàn đối với các dữ liệu khai thác và sử dụng, việc khai thác sử dụng phải bảo đảm đúng mục đích và tuân thủ theo các quy định của pháp luật.

#### 5. Về triển khai và vận hành hệ thống

a) Các đơn vị chủ động quản trị, vận hành các thành phần về lớp ứng dụng, quản trị dữ liệu, môi trường hoạt động, phần mềm lớp giữa, hệ điều hành của các hệ thống thông tin sử dụng hạ tầng của Trung tâm dữ liệu quốc gia;

b) Trung tâm dữ liệu quốc gia sẽ quản trị, vận hành các thành phần về ảo hoá, quản trị máy chủ, thiết bị lưu trữ, hạ tầng mạng và an ninh bảo mật.

#### 6. Hạ tầng kỹ thuật

a) Trung tâm dữ liệu quốc gia cung cấp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội chỗ đặt máy chủ và hạ tầng công nghệ thông tin. Đồng thời cung cấp kênh quản trị an toàn để các đơn vị chủ động triển khai, bảo đảm an toàn thông tin hệ thống ứng dụng và vận hành các dịch vụ liên quan của đơn vị;

b) Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội sau khi tiếp nhận hạ tầng sẽ phải tự quản trị các hệ thống ứng dụng, dịch vụ công nghệ thông tin triển khai trên hạ tầng được cung cấp (hệ thống lõi của các cơ quan, đơn vị).

7. Trung tâm dữ liệu quốc gia bảo đảm thống nhất tài nguyên địa chỉ IP và định tuyến theo các định hướng, kế hoạch sử dụng địa chỉ IP của quốc gia.

#### 8. Về an toàn và bảo mật thông tin

a) Đối với vùng dùng chung: Trung tâm dữ liệu quốc gia cung cấp các vị trí chỗ đặt và tài nguyên hạ tầng đáp ứng các cấp độ an toàn thông tin khác nhau, tùy theo nhu cầu của các cơ quan, đơn vị. Trung tâm dữ liệu quốc gia bảo đảm an ninh mạng, an ninh an toàn thông tin của Nền tảng điện toán đám mây dùng chung; triển khai hệ thống giám sát an ninh mạng tập trung cho vùng dùng chung; cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội bảo đảm an toàn thông tin hệ thống ứng dụng, cơ sở dữ liệu;

b) Đối với vùng chuyên dụng: Trung tâm dữ liệu quốc gia cung cấp dịch vụ hạ tầng đáp ứng an toàn thông tin cấp độ cao nhất, tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn về bảo mật để bảo vệ kho dữ liệu tổng hợp;

c) Đối với các hệ thống thông tin kết nối vào Trung tâm dữ liệu quốc gia: Các hệ thống phải được kiểm tra bảo đảm an toàn thông tin và khắc phục các lỗ hổng bảo mật trước khi thực hiện kết nối chính thức;

l

d) Đối với công tác giám sát an ninh an toàn thông tin: Trung tâm dữ liệu quốc gia kết nối với các trung tâm giám sát an ninh, an toàn thông tin khác nếu cần thiết.

9. Về bảo đảm dự phòng: Chính phủ quy định việc bảo đảm dự phòng cho các hệ thống tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.

#### **Điều 41. Người làm công tác xử lý, quản trị dữ liệu**

1. Người làm công tác xử lý, quản trị dữ liệu bao gồm người trực tiếp thực hiện công tác xử lý, quản trị dữ liệu tại cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và người hỗ trợ hoạt động xử lý, quản trị dữ liệu.

2. Người làm công tác xử lý, quản trị dữ liệu được đào tạo, huấn luyện chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Người làm công tác xử lý, quản trị dữ liệu chịu trách nhiệm bảo đảm an ninh, an toàn và tính đầy đủ, chính xác của dữ liệu.

#### **Điều 42. Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu**

1. Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu thực hiện đồng bộ, kết nối, chia sẻ dữ liệu thông suốt giữa Trung tâm dữ liệu quốc gia và các cơ quan, tổ chức; cung cấp ứng dụng trung gian dữ liệu cho cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu cung cấp dịch vụ, ứng dụng cho phép cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể sử dụng ngay, đơn giản, thuận tiện, linh hoạt theo yêu cầu; phổ biến trên diện rộng; cơ quan, tổ chức, cá nhân không cần tự đầu tư, quản lý, vận hành, duy trì.

### **Chương V**

#### **SẢN PHẨM, DỊCH VỤ VỀ DỮ LIỆU**

##### **Điều 43. Sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu**

1. Sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trong hoạt động giao dịch điện tử, viễn thông, an ninh mạng, an toàn thông tin mạng, công nghiệp công nghệ số, xác thực điện tử đối với dữ liệu gắn với danh tính điện tử thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, viễn thông, an ninh mạng, an toàn thông tin mạng, công nghiệp công nghệ số, xác thực điện tử.

2. Sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trong hoạt động trung gian dữ liệu; phân tích, tổng hợp dữ liệu; xác thực điện tử đối với dữ liệu không gắn với chủ thể danh tính điện tử; sàn giao dịch dữ liệu thực hiện theo quy định của Luật này.

3. Sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trong các hoạt động chuyên ngành khác thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật khác có liên quan.

6

**Điều 44. Tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu, phân tích, tổng hợp dữ liệu, sàn giao dịch dữ liệu**

1. Tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu, phân tích, tổng hợp dữ liệu là đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp được thành lập hoặc đăng ký hoạt động tại Việt Nam theo quy định pháp luật, đáp ứng điều kiện cung cấp dịch vụ và được cấp phép cung cấp dịch vụ theo quy định của Luật này.

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch dữ liệu là doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập đáp ứng điều kiện cung cấp dịch vụ và được cấp phép cung cấp dịch vụ theo quy định của Luật này.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

**Điều 45. Điều kiện cung cấp dịch vụ xác thực điện tử**

1. Điều kiện về nhân sự
2. Điều kiện về kỹ thuật, quy trình quản lý cung cấp dịch vụ
3. Điều kiện, phương án bảo đảm an ninh, trật tự

**Điều 46. Sản phẩm, dịch vụ xác thực điện tử đối với thông tin không gắn với chủ thể danh tính điện tử**

1. Nội dung sản phẩm, dịch vụ
2. Phương thức cung cấp sản phẩm, dịch vụ
3. Cơ chế phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước

**Điều 47. Sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu**

1. Nội dung sản phẩm, dịch vụ
2. Phương thức cung cấp sản phẩm, dịch vụ
3. Cơ chế phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước

**Điều 48. Sàn giao dịch dữ liệu**

1. Nội dung sản phẩm, dịch vụ
2. Phương thức cung cấp sản phẩm, dịch vụ
3. Cơ chế phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước

**Điều 49. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu, phân tích, tổng hợp dữ liệu, sàn giao dịch dữ liệu**

1. Cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân trên cơ sở thỏa thuận bằng hợp đồng cung cấp dịch vụ.

4

2. Bảo đảm kênh tiếp nhận thông tin và việc sử dụng dịch vụ là liên tục 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, giao dịch điện tử, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu.

4. Tuân thủ phương án, quy trình hoạt động cung cấp dịch vụ đã được Bộ Công an thẩm định.

5. Gửi báo cáo định kỳ 06 tháng, 01 năm hoặc đột xuất về hoạt động cho Bộ Công an khi có yêu cầu.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

## Chương VI

### QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DỮ LIỆU

#### Điều 50. Nội dung quản lý nhà nước về dữ liệu

1. Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chiến lược dữ liệu; văn bản quy phạm pháp luật về dữ liệu; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, yêu cầu kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, chất lượng dữ liệu.

2. Quản lý các dịch vụ về dữ liệu, sàn giao dịch dữ liệu.

3. Quản lý hoạt động xử lý, quản trị, điều phối dữ liệu.

4. Quản lý hoạt động bảo vệ dữ liệu, bảo đảm an ninh dữ liệu.

5. Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về dữ liệu.

6. Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực, chuyên gia về dữ liệu.

7. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về dữ liệu.

8. Hợp tác quốc tế về kết nối, chia sẻ, quản trị, trao đổi dữ liệu, thực thi pháp luật về dữ liệu.

#### Điều 51. Trách nhiệm quản lý nhà nước về dữ liệu

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về quản trị dữ liệu.

2. Bộ Công an là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện quản lý nhà nước về dữ liệu.

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp với Bộ Công an thực hiện quản lý nhà nước về dữ liệu trong phạm vi mình quản lý.

#### Điều 52. Trách nhiệm của Bộ Công an

L

1. Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông và bộ, ngành, địa phương tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Luật.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và cơ quan có liên quan ban hành Chiến lược dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và cơ quan có liên quan quản lý hoạt động lưu trữ, bảo vệ dữ liệu, bảo đảm an ninh dữ liệu; quản lý dịch vụ về dữ liệu quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật này.

4. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành địa phương triển khai xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia.

5. Chủ trì phối hợp Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan rà soát, tổng hợp đề xuất Chính phủ chỉ đạo các bộ, cơ quan, địa phương xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản liên quan đến việc triển khai, quản trị vận hành của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

6. Là đầu mối phụ trách đăng ký việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của đơn vị hành chính nhà nước, doanh nghiệp với kho dữ liệu tổng hợp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

7. Là đầu mối phụ trách tiếp nhận đăng ký yêu cầu hỗ trợ cung cấp, lắp đặt, tích hợp các thiết bị công nghệ thông tin, hệ thống cho các đơn vị có nhu cầu.

8. Là đầu mối tiếp nhận, tổng hợp nhu cầu về hạ tầng công nghệ thông tin của bộ, ngành, địa phương, thiết kế và lên kế hoạch mở rộng, phát triển (về năng lực tính toán, năng lực lưu trữ, năng lực an ninh, phạm vi và độ lớn) để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng hàng năm.

9. Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm định, đánh giá, kiểm tra, hỗ trợ giám sát và điều phối ứng phó sự cố an ninh mạng, an toàn thông tin trong quá trình xây dựng, triển khai, vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quan trọng trong Trung tâm dữ liệu quốc gia.

10. Bộ trưởng Bộ Công an quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy Trung tâm dữ liệu quốc gia.

11. Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn về việc phân cấp, phân loại dữ liệu, kiến trúc phần mềm, kiến trúc hệ thống, tổ chức, kết nối, chia sẻ dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

#### **Điều 53. Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông**

1

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ và cơ quan có liên quan ban hành Chiến lược dữ liệu quốc gia.

2. Chủ trì hướng dẫn cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội phát triển, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật theo tiêu chuẩn về dữ liệu.

3. Hướng dẫn cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện chuẩn hoá, kết nối, chia sẻ dữ liệu, tính toán tối ưu giữa việc đầu tư hạ tầng mới và sử dụng hạ tầng do Trung tâm dữ liệu quốc gia cung cấp.

4. Rà soát, đánh giá năng lực mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan để xây dựng phương án nâng cấp, bảo đảm các đơn vị có thể truy cập, quản trị hệ thống đặt tại Trung tâm dữ liệu quốc gia thông qua mạng truyền số liệu chuyên dùng.

5. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan trong quản lý nhà nước về dữ liệu số trong công nghiệp công nghệ số.

#### **Điều 54. Trách nhiệm của Văn phòng Chính phủ**

Phối hợp với Bộ Công an và các đơn vị liên quan đánh giá nhu cầu, thực hiện chuyển dịch hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin các hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (Cổng Dịch vụ công quốc gia, Trục liên thông văn bản quốc gia, Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia...) về Trung tâm dữ liệu quốc gia.

#### **Điều 55. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng**

Phối hợp với Bộ Công an, các cơ quan, tổ chức bố trí lực lượng, phương tiện thích hợp để phát hiện, ngăn chặn từ xa mọi hành vi xâm phạm Trung tâm dữ liệu quốc gia cả về địa lý và trên không gian mạng.

#### **Điều 56. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ**

1. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành công bố các tiêu chuẩn Việt Nam có liên quan về dữ liệu.

2. Phối hợp với Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông và cơ quan có liên quan trong nghiên cứu làm chủ và ứng dụng các công nghệ số, dữ liệu số hình thành các sản phẩm, dịch vụ phục vụ phát triển chính phủ số, chính quyền số và phát triển kinh tế - xã hội thông qua các Chương trình Khoa học và Công nghệ trọng điểm cấp quốc gia.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ công bố tiêu chuẩn, quy chuẩn về các loại dữ liệu thu thập trong cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước.

#### **Điều 57. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính trình cấp có thẩm quyền bổ sung các dự án đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị, phần mềm, cơ sở dữ liệu đáp ứng cho hoạt động của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

#### **Điều 58. Trách nhiệm của Bộ Tài chính**

Phối hợp với Bộ Công an tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi, ban hành văn bản pháp luật quy định mức thu, quản lý phí khai thác và sử dụng thông tin trong Trung tâm dữ liệu quốc gia.

#### **Điều 59. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ**

Phối hợp với Bộ Công an và các đơn vị có liên quan hướng dẫn vị trí việc làm, chế độ chính sách đối với nhân sự thực hiện quản trị, vận hành, phát triển hệ thống thông tin của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

#### **Điều 60. Trách nhiệm của Ban Cơ yếu Chính phủ**

Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ và Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, xác thực và bảo mật thông tin dùng mật mã, triển khai dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ cho các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

#### **Điều 61. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và cơ quan có liên quan quản lý hoạt động thu thập, chỉnh sửa, cập nhật, điều chỉnh, sao chép, chia sẻ, chuyển giao, xóa, hủy dữ liệu, lưu trữ, bảo vệ dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.

### **Chương VII**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 62. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số điều của các luật có liên quan**

1. Sửa đổi, bổ sung Luật Phí và lệ phí (bổ sung quy định về phí khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia).

2. Sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư (bổ sung danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện về sản phẩm, dịch vụ quy định tại Luật này).

#### **Điều 63. Hiệu lực thi hành**

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.